

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN S  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20-8-2024

V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S - TỈNH LÀO CAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Bình Trọng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Mạnh Tùng;

2. Ông Hà Đức Sơn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trịnh Ngọc Long - Thư ký Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai tham gia phiên Tòa:**  
Bà Dương Thị Hồng Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2024/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 7 năm 2024; quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2024; giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Đ T T M, sinh năm 1974.

Địa chỉ nơi cư trú: Tổ dân phố P T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

*2. Bị đơn:* Anh T V T, sinh năm 1968.

Địa chỉ nơi cư trú: Tổ dân phố P T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/3/2024, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đ T T M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T V T tự do tìm hiểu yêu thương nhau, đăng ký kết hôn năm 1994 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C P, huyện T Y, tỉnh Yên Bái. Ngay sau khi tổ chức đám cưới một thời gian ngắn vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính nhau trong cuộc sống hàng ngày, làm ăn

phát triển kinh tế và nuôi dạy con cái dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, thỉnh thoảng anh T đánh chị, việc mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện và thường xuyên xảy ra việc cãi chửi nhau, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất là từ năm 2021 vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, khi anh T đánh chị thì chỉ đánh ở trong nhà nên hàng xóm không biết chỉ có các con của anh chị biết, vì muốn níu kéo hạnh phúc gia đình nên chị đã nhẫn nhịn mong anh T thấu hiểu và thay đổi để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng thực tế tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng mấy năm trở lại đây chị thấy rất khổ sở, tình cảm vợ chồng thật sự không còn, tháng 7 năm 2023 anh T vào làm ăn tại thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang thỉnh thoảng vẫn đi về S, anh chị đã nói chuyện với nhau về việc mâu thuẫn vợ chồng và nguyện vọng của chị là được ly hôn thì anh T nói với chị là đồng ý ly hôn nhưng anh T không cùng chị đến Tòa án để giải quyết việc thuận tình ly hôn nên nay chị kiện ly hôn theo quy định. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án ly hôn đến nay anh T đã về nơi cư trú tại tổ dân phố P T, thị trấn S 02 lần nhưng anh T nói là không đến Tòa án làm việc, các văn bản tố tụng của Tòa án đối với anh T thì anh đều biết. Thực tế thì vợ chồng chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 7 năm 2023 cho đến nay không quan tâm đến nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã ly thân một thời gian dài nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh T V T.

- Về con chung, nuôi con khi ly hôn: Chị và anh T V T có với nhau 02 con chung là cháu T T H sinh ngày 24/02/1995 và cháu T T K sinh ngày 01/8/2005 các cháu đều khỏe mạnh, phát triển bình thường nay đã trưởng thành trên 18 tuổi nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung.

- Về quan hệ tài sản, về quyền và nghĩa vụ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## 2. Đề nghị của bị đơn:

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh, niêm yết các văn bản tố tụng, chị M, con của anh chị cũng đã gửi văn bản tố tụng cho anh T, gọi điện thông báo việc Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án, anh T đã biết và có trả lời tin nhắn qua zalo, tuy nhiên anh T cố tình vắng mặt không đến Tòa án để làm việc. Khi tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải anh T cũng không có mặt nên Tòa án chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, không tiến hành hoà giải được vụ án và ra thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và niêm yết theo quy định, gia đình anh T đã thông báo cho anh T biết. Tòa án mở phiên tòa lần thứ nhất vào 31 tháng 7 năm 2024 nhưng anh T vắng mặt nên hoãn phiên tòa và đã niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa, gia đình anh T chụp ảnh gửi zalo thông báo cho anh

T Quyết định hoãn phiên tòa ấn định thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa vào ngày 20/8/2024. Căn cứ theo hướng dẫn tại mục 9 Giải đáp số 02 ngày 02/8/2021 của Tòa án nhân dân tối cao Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

4. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

4.1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 28, 35, 39; xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68; xác minh thu thập chứng cứ, giao nhận, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ 93 đến Điều 97. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các thủ tục theo quy định.

4.2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội xét xử theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho chị Đ T T M được ly hôn với anh T V T.

- Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

4. 3. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm pháp luật: Không

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đ T T M kiện ly hôn anh T V T, qua các biên bản xác minh thể hiện anh T đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố P T, thị trấn S, huyện S có đi làm tại nơi khác, thỉnh thoảng 01 đến 02 tháng anh T vẫn trở về địa phương để thăm gia đình và không đăng ký tạm trú đi nơi khác, mặt khác khi Tòa án ra văn bản tố tụng thì chị M và con của anh chị đã chụp ảnh gửi Zalo cho anh T biết nhưng anh T cố tình che giấu địa chỉ, căn cứ theo quy định tại Nghị quyết số

04/2017/NQQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; mục 9 Giải đáp số 02 ngày 02/8/2021 của Tòa án nhân dân tối cao Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị M và anh T đăng ký kết hôn với nhau tại UBND thị trấn C P, huyện T Y, tỉnh Yên Bái do vậy hôn nhân của anh chị được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống ban đầu tình cảm vợ chồng anh chị hòa thuận, hạnh phúc và đã có với nhau 02 con chung, nhưng vào khoảng từ tháng 7 năm 2023 cho đến nay tình cảm vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn và còn sống ly thân mỗi người một phòng, không quan tâm đến nhau, quá trình chung sống anh chị có xảy ra việc cãi chửi nhau, nay giữa chị M với anh T không còn tình nghĩa vợ chồng. Xét thấy hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy việc chị M kiện ly hôn với anh T là có căn cứ nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Đ T T M được ly hôn anh T V T.

[3]. *Về nuôi con khi ly hôn*: Quá trình chung sống vợ chồng chị M và anh T có 02 con chung là cháu T T H sinh ngày 24/02/1995 và cháu T T K sinh ngày 01/8/2005 các cháu đã trên 18 tuổi, đều khỏe mạnh, phát triển bình thường, chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng con nên không đề cập giải quyết.

[4]. *Về quan hệ tài sản, quyền và nghĩa vụ về tài sản*: Chị M không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[5]. *Về nghĩa vụ chịu án phí*: Chị Đ T T M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Đ T T M được ly hôn với anh T V T.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Đ T T M và anh T V T chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. *Về án phí*: Chị Đ T T M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001873 ngày 01/04/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S, tỉnh

Lào Cai. Chị M đã nộp đủ tiền án phí.

3. *Quyền kháng cáo đối với bản án*: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh;
- VKS ND H. S (2);
- Chi cục THADS H. S;
- UBND TT C P, huyện T Y, tỉnh Yên Bái;
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

**Trần Bình Trọng**





